

Chương V: Phạm vi cung cấp

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc quy định tại Mẫu số 00, Chương IV - biểu mẫu dự thầu Phạm vi cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan (nếu có)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các thuốc cần cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục thuốc với số lượng và các thông tin cụ thể theo các Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc và được nêu tại Mẫu số 00 - Biểu mẫu dự thầu Chương IV.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm thuốc và bông băng năm 2026 .

Thuộc Dự toán và Kế hoạch: Mua sắm thuốc và bông băng năm 2026

Nội dung gói thầu: Mua sắm thuốc và bông băng năm 2026

Giá gói thầu: 488.120.000 đồng

Địa điểm thực hiện: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quân sự 1– Địa chỉ: Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

Hình thức lựa chọn: nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi

Loại hợp đồng: Trọn gói

Tùy chọn mua thêm: 30%

Nguồn vốn: Nghiệp vụ hành chính

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Yêu cầu về thuốc (bao gồm: Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Đơn vị tính và nhóm thuốc theo Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc. Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.

- Cam kết hàng hóa chính hãng, mới 100%.
- Cam kết có mặt xử lý sự cố trong vòng 24 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư.
- Cam kết hàng hóa bảo đảm chất lượng theo Quy chuẩn thuốc do Bộ Y tế ban hành.
- Cung cấp Bảng Đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu: mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V của E-HSMT.
- Nhà thầu đóng gói thuốc đúng yêu cầu của nhà sản xuất, phù hợp với phương tiện vận chuyển để chuyển hàng từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao, chịu trách nhiệm vận chuyển, bàn giao hàng hóa đến: Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
- Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc được chuyển đến nơi giao hàng không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường.

2.3. Dự thầu giá trị gói thầu:

Gói thầu là gói thầu mua sắm thuốc qua mạng đấu thầu Quốc gia, do gói thầu là chỉ có 1 lô gồm nhiều mặt hàng thuốc, nên yêu cầu nhà thầu khi dự thầu trên mạng, nhà thầu dự thầu ở biểu đơn giá, sẽ dự giá tổng của lô hàng.

Nhà thầu điền đầy đủ bảng giá dự thầu theo nội dung biểu số 05 đính bản scan, nhà thầu scan gửi cùng E-HSDT theo yêu cầu tại **CDNT 11.8 và CDNT 5.3 Chương II. Bảng dữ liệu**

2.5. Yêu cầu về kỹ thuật khác

- Tất cả các mặt hàng tham dự thầu, nhà thầu phải có cam kết đảm bảo chất lượng. (ghi chú: có ký mã hiệu (nếu có), nhãn mác sản phẩm (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ theo đúng đề xuất trong E-HSDT.
- Cam kết về đơn giá chào thầu các mặt hàng thuốc không vượt quá giá kế hoạch.
- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do nhà thầu.
- Cam kết trong quá trình đánh giá E-HSDT Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hàng hóa do Nhà thầu chào thầu để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu của từng loại hàng hóa được nêu tại E-HSMT.

Lô thuốc của gói thầu gồm các mặt hàng thuốc sau:

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIỀN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
1	GN1	Phospho (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) 55mg, Calci (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) 120mg, Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 type 100 CWS) 2mcg, Vitamin K1 (dưới dạng Dry vitamin K1 5% SD) 8mcg	Phospho (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) 55mg, Calci (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) 120mg, Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 type 100 CWS) 2mcg, Vitamin K1 (dưới dạng Dry vitamin K1 5% SD) 8mcg	Uống	Viên nang	viên	8.000	6.020	1	30	Theo CDNT 18.2- Chương II: Bảng dữ liệu nhà thầu
2	GN2	natri bicarbonate (0.25mg), Kali clorid (0.15mg), Natri clorid (0.26mg), Glucose (1.35mg)	0,25mg; 0.15mg; 0.26mg; 1.35mg	Uống	Viên sủi	Tuýp	500	15.000	TPCN	30	
3	GN3	Peptid Cerebrolysin concentrate	215.2mg	Thuốc Tiêm, truyền	thuốc tiêm truyền	Ống	500	105.000	1	30	
4	GN4	Amoxicillin (875mg), Clavulanic acid (125mg)	875mg; 125mg	Uống	Viên	viên	4.999	8.800	4	30	
5	GN5	Bim Bim (13.6mg), Rau đắng đất	13.6mg; 128mg; 170mg	Uống	Viên nang	Hộp	300	98.000	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		(128mg), Cao khô actiso (170mg)									
6	GN6	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên	Hộp	100	86.000	4	30	
7	GN7	Lysine 10.3%; Leucine 10.3%; Arginine 10.3%; Serine 7.3%; Phenylamine 5.9%; Threonine 5.9%; Tyrosine 5.9%; Isoleucine 4.4%; Methionin 2.9%; Tryptophan 1.5%	500mg	Uống	Viên nang	viên	900	14.200	TPCN	30	
8	GN8	Bơm tiêm 5ml hộp / 100 cái				Cái	300	790	VTY T	30	
9	GN9	Acid Ascorbic (500mg), Dextrose (25g), Nicotinamid (625mg), Dexpanthenol (250mg), Pyridoxine (25mg), Riboflavin (25mg), Thiamin (125mg)	Acid Ascorbic (500mg), Dextrose (25g), Nicotinamid (625mg), Dexpanthenol (250mg), Pyridoxine (25mg), Riboflavin (25mg), Thiamin (125mg)	Thuốc Tiêm, truyền	thuốc tiêm truyền	Chai	50	60.000	1	30	
10	GN10	Bạch Quả (Ngân Hạnh - Ginkgo biloba L.)	40 Mg	Uống	Viên nang	Viên	3.000	900	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
11	GN11	Paracetamol (500mg), Phenylephrine (10mg), Chlorpheniramine (2mg)	Paracetamol (500mg), Phenylephrine (10mg), Chlorpheniramine (2mg)	Uống	Viên nén	Viên	5.000	1.280	4	30	
12	GN12	Arginin hydroclorid 200mg	200mg	Uống	Viên nang	Hộp	90	210.000	4	30	
13	GN13	Piracetam	3g/15ml	Thuốc Tiêm, truyền	thuốc tiêm	Ống	500	14.500	4	30	
14	GN14	Vitamin B1 10mg Vitamin B6 10mg Vitamin B12 5,6 mcg	10mg 10mg 5,6 mcg	Uống	Viên nang	hộp	500	36.000	TPCN	30	
15	GN15	Chymotrypsin	21microkatal	Uống	Viên	Viên	2.001	2.200	4	30	
16	GN16	Vitamin E	400IU	Uống	Viên nang	Viên	1.000	1.200	4	30	
17	GN17	Vitamin A (5000IU), Vitamin D3 (500IU)	Vitamin A (5000IU), Vitamin D3 (500IU)	Uống	Viên nang	Viên	500	392	4	30	
18	GN18	Paracetamol	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	1.000	2.200	4	30	
19	GN19	Amlodipine	5mg	Uống	Viên nang	Viên	3.001	1.000	4	30	
20	GN20	Glucose	5%	Dung dịch tiêm truyền	thuốc tiêm truyền	Chai	50	10.800	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
21	GN21	Dây truyền dịch			Bịch 25 dây	Cái	50	3.000	VTY T	30	
22	GN22	Loratadine (2.5mg), Dextromethorphan (10mg), Guaifenesin (100mg)	Loratadine (2.5mg), Dextromethorphan (10mg), Guaifenesin (100mg)	Uống	Viên	Viên	5.000	780	4	30	
23	GN23	Diosmectite	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	500	4.200	1	30	
24	GN24	Simethicone (80mg), Aluminum hydroxide (612mg), Magnesium hydroxide (800mg)	Simethicone (80mg), Aluminum hydroxide (612mg), Magnesium hydroxide (800mg)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	2.000	3.920	1	30	
25	GN25	Natri clorid (0.9g)	0.9g	Dung dịch tiêm truyền	thuốc tiêm truyền	Chai	30	8.200	4	30	
26	GN26	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên	Viên	6.000	1.400	4	30	
27	GN27	Paracetamol	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Gói	100	1.050	4	30	
28	GN28	Valsartan	80mg	Uống	Viên	Viên	1.000	1.900	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
29	GN29	Trạch tả: 30mg; Thực địa: 240mg; Bạch linh: 40mg; Liên nhục: 88mg; Hoài Sơn: 76mg; Đương quy: 40mg; Đảng Sâm: 24mg; Câu kỷ tử: 40mg; Bách hợp: 60mg; Viễn chí: 16mg; Xuyên khung: 28mg; Tục đoạn: 58mg; Thò ty tử: 40mg; Hà thủ ô đỏ: 45mg; Ba kích: 60mg; Nhân Sâm: 7.2mg; Cam thảo: 5mg; Nhung hươu: 2.4mg; Ban long: 7.2mg; Đỗ trọng: 24mg; Nhục thung dung: 24mg; Câu tích: 30mg; Bạch truật: 36mg	Trạch tả: 30mg; Thực địa: 240mg; Bạch linh: 40mg; Liên nhục: 88mg; Hoài Sơn: 76mg; Đương quy: 40mg; Đảng Sâm: 24mg; Câu kỷ tử: 40mg; Bách hợp: 60mg; Viễn chí: 16mg; Xuyên khung: 28mg; Tục đoạn: 58mg; Thò ty tử: 40mg; Hà thủ ô đỏ: 45mg; Ba kích: 60mg; Nhân Sâm: 7.2mg; Cam thảo: 5mg; Nhung hươu: 2.4mg; Ban long: 7.2mg; Đỗ trọng: 24mg; Nhục thung dung: 24mg; Câu tích: 30mg; Bạch truật: 36mg	Uống	Viên nang	Hộp	200	142.000	2	30	
30	GN30	Eperisone (50mg)	50mg	Uống	Viên	Viên	8.000	3.192	1	30	
31	GN31	Triamcinolon acetonid	0,1g	Bôi niêm mạc	Thuốc tra mắt	Gói	3.000	9.800	4	30	
32	GN32	Paracetamol (500mg), Chlorpheniramine	Paracetamol (500mg),	Uống	Viên	Viên	6.000	1.250	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		(2mg), Phenylephrine (10mg)	Chlorpheniramine (2mg), Phenylephrine (10mg)								
33	GN33	Amoxicillin (875mg), Clavulanic acid (125mg)	Amoxicillin (875mg), Clavulanic acid (125mg)	Uống	Viên	Viên	300	19.800	1	30	
34	GN34	Esomeprazole (40mg)	40mg	Uống	Viên bao tan trong ruột	Viên	1.000	2.260	4	30	
35	GN35	Bacillus clausii (2x10 ⁹ cfu)	2x10 ⁹ cfu	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	8.808	8.200	TPCN	30	
36	GN36	Nhân Sâm: 40mg; Lô hội: 5mg; Retinol: 5000IU; Ergocalciferol: 400IU; Tocopherols: 45mg; Thiamin: 2mg; Riboflavin: 2mg; Pyridoxin hydroclorid: 2mg; Acid Ascorbic: 60mg; Nicotinamid: 20mg; Calci pantothenat: 15.3mg;	Nhân Sâm: 40mg; Lô hội: 5mg; Retinol: 5000IU; Ergocalciferol: 400IU; Tocopherols: 45mg; Thiamin: 2mg; Riboflavin: 2mg; Pyridoxin hydroclorid: 2mg; Acid Ascorbic: 60mg; Nicotinamid:	Uống	Viên nang	Viên	10.000	2.126	1	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Cyanocobalamin: 6; Fe: 54.76mg; Đồng sulfate: 7.86mg; Magnesium oxide: 66.34mg; Kẽm oxyd: 5mg; Canxi: 307.5mg; Mangan: 3mg; Kalium: 18mg	20mg; Calci pantothenat: 15.3mg; Cyanocobalamin: 6; Fe: 54.76mg; Đồng sulfate: 7.86mg; Magnesium oxide: 66.34mg; Kẽm oxyd: 5mg; Canxi: 307.5mg; Mangan: 3mg; Kalium: 18mg								

- Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong Bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu.

- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hóa thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm: Không

Nhà thầu có cam kết là sẽ chấp nhận các kiểm tra và thử nghiệm của chủ đầu tư, nếu hàng hóa không đúng nội dung, hoặc chất lượng kém, hoặc đã hết hạn sử dụng, sẽ thay đổi hàng cho chủ đầu tư

